

Số: 03/QĐ-TTĐMSTCĐS

Hưng Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 69/2006/QĐ-SKHCHN ngày 06/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số.

(Kèm theo biểu số 02 – ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở KHCN;
- Kho bạc nhà nước;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-TTĐMSTCĐS ngày 09/02/2026 của Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	So sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số hoạt động sự nghiệp, thu phí, lệ phí				
1.1	Số thu hoạt động sự nghiệp				
	Thu hoạt động sự nghiệp				
1.2	Lệ phí, Phí				
	Lệ phí, Phí A				
	Lệ phí, Phí B				
2	Chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, phí được để lại				
2.1	Chi dịch vụ				
a	Chi phí sản xuất kinh doanh(Lương LĐHĐ, thuê khoán chuyên môn, công giám sát, tư vấn.....)				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số thu hoạt động dịch vụ, phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Số thu hoạt động sự nghiệp nộp NSNN				
	Thuế GTGT				
	Thuế TNDN				
3.2	Lệ phí, Phí				
	Lệ phí, phí A				
	Lệ phí, phí B				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	40,868	40,868		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học	40,868	40,868		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	6,771	6,771		
2.2.1	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6,398	6,398		
2.2.2	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ_CP	373	373		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	So sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	34,097	34,097		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp thông tin truyền thông				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Hưng Yên, Ngày 09 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Phạm Thị Giang

Phạm Thị Giang

Thủ trưởng đơn vị



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn